

Họ, tên thí sinh: Số báo danh:**PHẦN I: Thí sinh trả lời câu 1 đến câu 24. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.****Câu 1.** Nguyên thù của những quốc gia nào sau đây cùng tuyên bố chấm dứt Chiến tranh lạnh vào năm 1989?

- A. Ấn Độ và Ai Cập. B. Anh và Hà Lan.
C. Pháp và Nhật Bản. **D. Mỹ và Liên Xô.**

Câu 2. So với chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” (1961 – 1965), chiến lược “Chiến tranh cục bộ” (1965 – 1968) của Mỹ thực hiện ở miền Nam Việt Nam có điểm khác biệt nào sau đây?

- ~~A.~~ Diễn ra trong bối cảnh Mỹ đang chống lại phe xã hội chủ nghĩa. ~~x~~ *hầu như*
~~B.~~ Đưa số lượng lớn quân đồng minh của Mỹ vào trực tiếp tham chiến trên chiến trường.
C. Sử dụng vũ khí, trang bị kỹ thuật và phương tiện chiến tranh của Mỹ. *(11 đb)*
~~D.~~ Tiến hành bằng lực lượng quân đội Sài Gòn dưới sự chỉ huy của hệ thống cố vấn Mỹ. *(VNHC)*

Câu 3. Việt Nam đạt được thành tựu nào sau đây trong hội nhập quốc tế vào năm 2007?

- A.** Trở thành thành viên của Tổ chức Thương mại Thế giới. *WTO*
B. Gia nhập Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á. *(1995)*
C. Tham gia Công ước Luật biển của Liên hợp quốc. *x*
D. Gia nhập Hội đồng tương trợ kinh tế.

Câu 4. Một trong những nguyên nhân dẫn đến sự sụp đổ của Trật tự thế giới hai cực I-an-ta là do

- A. Mỹ không còn là siêu cường kinh tế số một thế giới.
~~B.~~ sự ra đời của Cộng đồng Chính trị – An ninh ASEAN. *x*
~~C.~~ tác động trực tiếp của cuộc Chiến tranh thế giới thứ nhất. *x*
D. thắng lợi của phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.

Câu 5. Quốc gia nào sau đây là thành viên của Cộng đồng ASEAN vào năm 2015?

- A. Hàn Quốc. *y* B. Cu-ba. *y* C. Ma-rốc.
D. Thái Lan.

Câu 6. Phan Bội Châu có hoạt động đối ngoại nào sau đây vào đầu thế kỉ XX?

- A.** Vận động sự ủng hộ của Nhật Bản để giải phóng dân tộc.
B. Liên hệ với lực lượng Đồng minh chống phát xít.
~~C.~~ Tham dự Đại hội lần thứ XVIII của Đảng Xã hội Pháp. *x* *(NAQ)*
D. Đàm phán với Pháp để thực hiện cải cách cho Việt Nam. *PCT*

Câu 7. Một trong những xu thế phát triển chính của thế giới sau cuộc Chiến tranh lạnh là

- A. đối đầu giữa Liên Xô và Mỹ. *x* **B.** đối thoại và hợp tác trong quan hệ quốc tế.
C. hạn chế liên kết về kinh tế giữa tất cả các nước. *x* D. chấm dứt ngay mọi xung đột giữa các nước.

Câu 8. Tổ chức nào sau đây được thành lập để củng cố sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc Việt Nam vào năm 1951? *KCCP*

- A. Hội Chấn Hoa Hưng Á. B. Hội Liên hiệp thuộc địa.
C. Việt Nam Quang phục Hội. *x* **D.** Mặt trận Liên Việt.

Câu 9. Thắng lợi của cuộc Tiến công chiến lược năm 1972 của quân và dân Việt Nam có ý nghĩa nào sau đây?

- A.** Giáng đòn quyết định làm sụp đổ hoàn toàn chính quyền Sài Gòn.
B. Buộc Mỹ phải thừa nhận sự thất bại của chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”. *x*
C. Kết thúc cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam Việt Nam.
D. Buộc Mỹ phải xuống thang chiến tranh, lập tức rút hết quân về nước. *CTCB CTCB*

Câu 10. Nhận định nào sau đây là đúng về quá trình hội nhập quốc tế của Việt Nam từ năm 2006 đến nay?

- ☒ A. Thường xuyên nâng tầm hợp tác với hệ thống xã hội chủ nghĩa. ✗
- ☐ B. Là quá trình phá thế bị bao vây và cô lập toàn diện để hội nhập quốc tế.
- ☒ C. Ngày càng mở rộng quan hệ đối tác chiến lược toàn diện với nhiều nước.
- ☒ D. Đánh dấu sự khởi đầu cho hợp tác đa phương giữa Việt Nam với các nước.

Câu 11. Các nước ASEAN đã kí kết văn kiện nào sau đây vào năm 2003?

- ☐ A. Hiến chương Liên hợp quốc.
- ☐ B. Hiến chương ASEAN. (2007)
- ☐ C. Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền.
- ☒ D. Tuyên bố Ba-li II.

Câu 12. Quá trình từ đàm phán đến kí kết Hiệp định Pa-ri (1968 – 1973) đã để lại bài học kinh nghiệm nào sau đây cho hoạt động đối ngoại của Việt Nam hiện nay?

- ☐ A. Đặt trọng tâm vào việc duy trì, phát triển đồng đều mối quan hệ với các đối tác truyền thống.
- ☐ B. Tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế để hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân.
- ☐ C. Linh hoạt trong hoạt động đối ngoại để giải quyết triệt để lợi ích của các nước.
- ☒ D. Thực lực quốc gia là một trong những điều kiện đưa đến thành công của hoạt động đối ngoại.

Câu 13. Quốc gia nào sau đây tham gia thành lập Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết vào năm 1922?

- ☒ A. Nga.
- ☐ B. Anh.
- ☐ C. Bồ Đào Nha.
- ☐ D. Lào.

Câu 14. Cuộc khởi nghĩa nào sau đây chống lại ách đô hộ của nhà Đông Hán bùng nổ vào năm 40?

- ☐ A. Khởi nghĩa Phùng Hưng.
- ☐ B. Khởi nghĩa Bà Triệu.
- ☒ C. Khởi nghĩa Hai Bà Trưng.
- ☐ D. Khởi nghĩa Lý Bí.

Câu 15. So với Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (1930), Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương lần thứ 8 (1941) có điểm mới nào sau đây?

- ☒ A. Chủ trương giải quyết vấn đề dân tộc cho phù hợp với điều kiện lịch sử cụ thể của Việt Nam.
- ☒ B. Diễn ra trong bối cảnh cách mạng Việt Nam đã có sự lãnh đạo thống nhất của một chính đảng cộng sản.
- ☒ C. Thể hiện vai trò của Nguyễn Ái Quốc trong việc hoạch định đường lối chiến lược cách mạng Việt Nam.
- ☒ D. Góp phần định hướng, thúc đẩy sự phát triển của phong trào giải phóng dân tộc ở Việt Nam.

Câu 16. Nguyễn Ái Quốc không có hoạt động nào sau đây trong giai đoạn 1920 – 1930?

- ☒ A. Soạn thảo Tuyên ngôn Độc lập của Việt Nam.
- ☐ B. Tham dự Đại hội V của Quốc tế Cộng sản.
- ☒ C. Tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp.
- ☐ D. Soạn thảo Chính cương văn tắt, Sách lược văn tắt.

Câu 17. Quốc gia nào sau đây ở châu Mỹ đã dựng tượng Chủ tịch Hồ Chí Minh?

- ☐ A. Phi-líp-pin.
- ☒ B. Mê-hi-cô.
- ☐ C. Xin-ga-po.
- ☐ D. Cam-pu-chia.

Câu 18. Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 – 1975) của nhân dân Việt Nam đã để lại bài học kinh nghiệm nào sau đây cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam hiện nay?

- ☒ A. Phát huy cao độ sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại trong kỉ nguyên mới.
- ☐ B. Kết hợp hài hòa, thường xuyên giữa đấu tranh chính trị với đấu tranh quân sự.
- ☐ C. Cần thống nhất về tổ chức của các mặt trận nhân dân thế giới ủng hộ Việt Nam. ✗
- ☐ D. Duy trì, phát triển mối quan hệ liên minh phòng thủ với các nước Đông Dương. ✗

Câu 19. Nhân vật lịch sử nào sau đây đã lãnh đạo quân Tây Sơn giành thắng lợi trong cuộc kháng chiến chống quân Thanh xâm lược vào cuối thế kỉ XVIII?

- ☐ A. Lê Hoàn.
- ☐ B. Trần Quốc Tuấn.
- ☐ C. Lý Thường Kiệt.
- ☒ D. Quang Trung.

Câu 20. Nhận định nào sau đây là đúng về công cuộc Đổi mới ở Việt Nam từ năm 1986 đến nay?

- ☐ A. Là sự thay đổi hình thức, bước đi và biện pháp để thực hiện mục tiêu xã hội chủ nghĩa.
- ☒ B. Có sự điều hành trực tiếp của nhà nước vào những quy trình sản xuất của các doanh nghiệp.
- ☐ C. Hạn chế sự phát triển của kinh tế tư nhân để tập trung phát triển kinh tế nhà nước. ✗
- ☐ D. Diễn ra đồng bộ và sâu rộng nhưng độc lập trên các lĩnh vực kinh tế – xã hội. ✗

Câu 21. Đường lối đổi mới về kinh tế ở Việt Nam từ năm 2006 đến nay có nội dung nào sau đây?

- ☒ A. Tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.
- ☐ B. Bước đầu xây dựng cơ chế quản lý kinh tế tập trung quan liêu, bao cấp.
- ☐ C. Kết thúc quá trình xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật cho chủ nghĩa xã hội.
- ☐ D. Bắt đầu xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

Câu 22. Quá trình phát triển của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á từ năm 1967 đến năm 2015 có đặc điểm nào sau đây?

- ☒ A. Có sự phát triển từng bước về cơ cấu tổ chức, phạm vi và mức độ hợp tác.
- ☐ B. Trọng tâm của quá trình hợp tác có sự chuyển dịch từng bước từ nội khối sang ngoại khối.
- ☐ C. Quá trình hình thành, phát triển chịu sự chi phối thường xuyên của cuộc Chiến tranh lạnh.
- ☐ D. Xuất phát từ liên minh quân sự phát triển thành tổ chức liên kết kinh tế, chính trị.

Câu 23. Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám (1945) ở Việt Nam đã

- ☐ A. lật đổ hoàn toàn chế độ thực dân trên thế giới.
- ☒ B. mở ra kỉ nguyên độc lập, tự do của dân tộc.
- ☐ C. chấm dứt sự tồn tại của chế độ phong kiến ở châu Á.
- ☐ D. dẫn đến sự sụp đổ của hệ thống tư bản chủ nghĩa.

Câu 24. Liên hợp quốc có hoạt động nào sau đây để bảo đảm quyền con người?

- ☐ A. Thành lập khối phòng thủ chung dựa trên cơ sở đồng thuận.
- ☐ B. Xây dựng thể chế chính trị thống nhất cho các quốc gia.
- ☒ C. Xây dựng và kí kết các văn bản, điều ước quốc tế về quyền con người.
- ☐ D. Can thiệp trực tiếp vào các nước nhằm thi hành triệt để quyền con người.

PHẦN II: Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Cho đoạn tư liệu sau đây:

“Nhìn lại 40 năm thực hiện công cuộc đổi mới, dưới sự lãnh đạo của Đảng, đất nước ta đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử. Kinh tế duy trì tốc độ phát triển tương đối nhanh, trở thành nước đang phát triển, có thu nhập trung bình. Các lĩnh vực văn hóa, xã hội có nhiều tiến bộ, đời sống Nhân dân được cải thiện một cách căn bản và toàn diện. Quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội được bảo đảm, tiềm lực của nền quốc phòng toàn dân được xây dựng khá toàn diện”.

(Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV, tập II, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2026, tr.19-20)

- ☒ a) Những thành tựu trong công cuộc Đổi mới hiện nay là nguồn lực và động lực cho sự phát triển của Việt Nam trong những giai đoạn tiếp theo.
- ☒ b) Từ thực tiễn 40 năm đổi mới đất nước cho thấy mối quan hệ hài hòa giữa phát triển kinh tế với tiến bộ xã hội, đồng thời khẳng định nền kinh tế hàng hóa là điểm sáng tạo riêng của Việt Nam.
- ☒ c) Nội dung của đoạn tư liệu cho biết những thành tựu trên nhiều lĩnh vực trong công cuộc Đổi mới ở Việt Nam.
- ☒ d) Những thành tựu của công cuộc Đổi mới đã đưa Việt Nam trở thành quốc gia phát triển trên thế giới.

Câu 2. Cho thông tin, đoạn tư liệu sau đây:

Tác giả của cuốn sách *Chủ nghĩa tư bản lịch sử thăng trầm 120 năm (1900 – 2020)* đã viết về những thách thức của chủ nghĩa tư bản hiện đại như sau: “[...], chủ nghĩa tư bản hiện đại đã và đang đối mặt với những vấn đề chính trị – xã hội nan giải. Nền dân chủ tư sản đang bị xói mòn và trên thực tế là nền dân chủ chỉ dành cho thiểu số.[...], hàng loạt những vấn đề xã hội nan giải khác cũng được đặt ra như là những thách thức cho sự tồn tại và phát triển của chủ nghĩa tư bản hiện đại. Đó là nạn thất nghiệp, sự suy giảm các giá trị xã hội, gia đình, sự đề cao lối sống cá nhân, nạn kỳ thị chủng tộc, tỷ lệ tội phạm và bạo lực gia tăng,...”.

(Trần Thị Vinh: *Chủ nghĩa tư bản lịch sử thăng trầm 120 năm (1900 – 2020)*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2019, tr.70)

- ✓ a) Từ những hạn chế của chủ nghĩa tư bản hiện đại cho thấy sự đúng đắn của Đảng Cộng sản Việt Nam trong việc kiên trì mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.
- ✓ b) Những thách thức mà chủ nghĩa tư bản phải đối mặt từ sau năm 1945 đến nay không bắt nguồn từ nền dân chủ tư sản.
- ✓ c) Những thông tin của đoạn tư liệu phản ánh một phần thực trạng của xã hội tư bản hiện đại.
- ✓ d) Chủ nghĩa tư bản hiện đại đã giải quyết triệt để được các vấn đề xã hội nan giải để tồn tại và phát triển.

Câu 3. Cho đoạn tư liệu sau đây:

“Đại đoàn kết toàn dân tộc là nền tảng hội tụ và phát huy cao nhất sức mạnh của Nhân dân, tạo nên sức mạnh vô địch để đất nước ta vượt qua mọi khó khăn, thử thách và vươn tới phát triển phồn vinh, hùng cường. Kiên trì thực hiện đường lối đại đoàn kết toàn dân tộc trên nền tảng của khối liên minh giữa giai cấp công nhân, giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo; giải quyết hài hòa mối quan hệ lợi ích; bảo đảm công bằng, bình đẳng giữa các dân tộc, tôn giáo, giai cấp, tầng lớp xã hội [...] nêu cao ý thức trách nhiệm của mỗi cá nhân, cộng đồng với quốc gia, dân tộc”.

(Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV, tập I, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2026, tr.36-37)

- ✓ a) Đại đoàn kết toàn dân tộc là một trong những truyền thống quý báu của dân tộc Việt Nam được khởi nguồn, vận dụng sáng tạo và phát huy mạnh mẽ trong thời kì Đổi mới.
- ✓ b) Những thông tin của đoạn tư liệu cho biết đường lối đại đoàn kết toàn dân tộc Việt Nam được xây dựng trên nền tảng của khối liên minh công – nông và tư sản dân tộc.
- ✓ c) Sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc được phát huy cao độ dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.
- ✓ d) Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV (2026) của Đảng Cộng sản Việt Nam bước đầu xác định đại đoàn kết toàn dân tộc là nguồn sức mạnh cần tập trung khơi dậy và phát huy.

Câu 4. Cho đoạn tư liệu sau đây:

“Hỡi đồng bào toàn quốc!

Chúng ta muốn hòa bình, chúng ta phải nhân nhượng. Nhưng chúng ta càng nhân nhượng, thực dân Pháp càng lấn tới, vì chúng quyết tâm cướp nước ta lần nữa!

[...]

Hỡi đồng bào!

Chúng ta phải đứng lên!

Bất kỳ đàn ông, đàn bà, bất kỳ người già, người trẻ, không chia tôn giáo, đảng phái, dân tộc. Hễ là người Việt Nam thì phải đứng lên đánh thực dân Pháp để cứu Tổ quốc. Ai có súng dùng súng. Ai có gươm dùng gươm, không có gươm thì dùng cuốc, thuổng, gậy gộc. Ai cũng phải ra sức chống thực dân Pháp cứu nước”.

(Hồ Chí Minh: Toàn tập, tập 4, Nxb. Chính trị quốc gia – Sự thật, Hà Nội, 2011, tr.534)

- ✓ a) Ngay khi thực dân Pháp quay trở lại xâm lược Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã kịp thời phát động toàn quốc kháng chiến.
- ✓ b) Những thông tin của đoạn tư liệu trên thể hiện tinh thần tự lực, tự cường của nhân dân Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.
- ✓ c) Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến thể hiện sự chủ động của Việt Nam trong việc đàm phán với Pháp.
- ✓ d) Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến khẳng định Việt Nam tiến hành chiến tranh vệ quốc khi không còn lựa chọn nào khác, đồng thời định hướng về việc xây dựng lực lượng để trường kì kháng chiến.

HẾT

- Thí sinh không được sử dụng tài liệu;

- Giám thị không giải thích gì thêm.

Câu/Đề	0801	0802	0803	0804	0805	0806	0807	0808	0809	0810	0811	0812	0813	0814	0815	0816	0817	0818	0819	0820	0821	0822	0823	0824
1	A	C	D	B	C	D	D	A	D	B	D	D	A	A	D	C	C	D	D	D	B	B	D	B
2	B	A	C	A	B	A	D	D	D	B	D	A	D	B	D	D	A	A	A	D	A	B	A	D
3	A	B	C	A	A	B	A	B	C	A	C	B	C	D	C	B	C	C	C	D	C	A	D	C
4	A	A	A	A	A	B	C	A	B	C	A	C	A	A	B	C	C	B	B	A	A	D	C	A
5	C	D	D	C	D	A	A	C	D	B	C	C	C	D	D	C	D	B	B	C	A	D	A	B
6	D	D	B	A	C	C	B	A	A	D	D	A	D	B	B	D	D	A	C	B	B	C	A	C
7	A	C	A	B	B	D	D	D	B	B	B	C	C	D	A	D	C	B	C	B	D	A	A	B
8	C	A	A	B	D	B	B	B	B	D	A	D	A	A	C	D	D	D	B	C	C	C	C	C
9	C	A	B	C	D	D	A	C	C	C	C	A	D	C	A	B	C	C	B	A	D	C	C	B
10	C	B	C	B	C	A	D	B	A	C	B	A	D	D	A	A	A	C	C	B	D	A	B	B
11	B	A	C	D	B	B	D	A	A	D	B	B	C	C	D	B	B	A	B	A	A	B	A	C
12	D	A	B	C	A	C	D	B	C	D	C	C	B	B	C	D	D	D	D	A	A	B	C	B
13	A	B	C	B	D	C	B	A	A	A	C	C	B	B	A	A	A	C	D	A	C	B	A	D
14	A	D	D	D	C	D	A	C	C	C	C	C	C	B	B	C	D	D	B	C	C	B	A	B
15	C	B	C	A	B	C	D	B	D	D	A	B	C	C	B	B	A	A	C	A	A	D	C	A
16	B	B	A	C	A	C	D	D	D	A	D	B	A	A	A	A	A	A	C	B	B	C	C	B
17	B	B	B	B	A	A	B	C	A	B	B	A	B	C	C	C	A	A	D	A	B	D	D	D
18	D	D	B	B	D	A	C	A	A	C	D	D	B	C	C	D	B	C	C	D	A	C	B	D
19	C	A	D	A	D	C	D	C	A	D	C	A	B	A	C	D	C	B	A	B	B	D	B	A
20	D	C	D	D	A	C	B	A	D	D	B	C	A	A	D	A	A	B	A	A	B	C	C	A
21	B	D	A	B	B	D	B	B	A	A	D	D	C	B	A	D	B	A	B	C	B	B	D	B
22	B	A	A	B	A	A	C	D	A	A	D	C	D	D	B	B	C	D	B	B	A	B	D	B
23	A	B	B	B	D	B	B	C	A	A	C	A	C	C	D	A	A	D	D	B	C	D	A	A
24	D	D	A	D	D	D	A	D	C	C	C	B	D	B	A	C	C	C	D	B	D	C	D	D
25	D,D,D,S	S,S,D,D	S,D,S,D	S,S,S,D	D,D,S,D	D,D,S,S	S,S,S,D	S,D,S,S	D,D,D,S	S,S,D,D	S,D,D,D	S,D,S,S	D,S,D,D	D,S,D,S	D,S,D,D	D,S,S,D	D,D,S,D	D,S,S,D	D,D,D,S	S,D,D,S	S,D,S,S	S,D,S,D	S,D,S,S	S,D,S,S
26	S,D,D,S	S,D,D,S	S,S,D,S	D,S,S,D	S,D,S,S	S,D,S,S	D,D,S,S	D,S,D,S	D,S,D,S	S,D,S,S	S,D,D,S	D,S,S,D	S,S,D,D	S,D,S,S	S,D,D,S	S,S,S,D	S,S,D,S	D,S,S,D	D,S,S,S	D,S,D,S	S,D,D,S	D,S,S,D	S,D,S,S	D,S,S,D
27	S,S,D,S	D,S,D,S	D,S,D,D	D,D,S,S	S,S,D,D	D,S,D,S	D,D,S,D	D,S,D,S	D,D,D,S	D,D,S,S	S,S,D,S	S,D,S,D	S,S,S,D	S,S,D,D	D,D,D,S	S,D,D,S	D,D,D,S	S,D,S,S	D,S,D,D	S,D,S,S	D,S,D,D	S,S,D,D	D,S,D,D	D,S,S,D
28	D,S,D,D	D,S,S,S	D,D,D,S	S,D,S,D	D,D,D,S	S,D,S,D	D,S,D,D	S,S,D,D	S,S,S,D	S,S,D,D	D,S,D,D	D,S,S,D	S,D,D,D	S,S,D,D	S,D,S,S	D,S,D,S	S,D,S,D	D,S,D,S	D,D,S,S	D,S,D,S	S,S,D,S	S,S,D,S	D,D,D,S	S,D,D,S

Câu/Đề	0825	0826	0827	0828	0829	0830	0831	0832	0833	0834	0835	0836	0837	0838	0839	0840	0841	0842	0843	0844	0845	0846	0847	0848
1	A	B	B	D	C	C	A	C	A	B	A	D	D	C	D	D	D	A	D	C	B	C	C	D
2	C	C	C	B	B	C	D	C	C	C	A	C	D	B	B	D	D	D	B	C	A	C	C	B
3	A	A	D	D	B	A	B	A	D	A	B	A	B	B	A	D	D	B	C	D	B	B	A	B
4	A	D	C	A	D	D	D	D	C	B	A	B	A	C	D	B	B	D	D	B	B	A	D	A
5	A	C	D	B	A	A	B	A	A	B	A	B	B	B	D	D	C	B	B	D	A	D	C	A
6	C	B	C	C	B	B	D	B	B	B	A	A	A	A	A	D	A	A	C	D	B	D	D	C
7	C	B	B	B	B	D	A	D	C	D	B	C	B	A	B	B	C	C	C	C	B	D	B	A
8	B	B	C	C	A	B	A	A	C	C	B	A	B	C	D	D	D	D	A	D	D	B	D	B
9	A	A	C	A	A	B	C	B	B	A	A	D	A	C	B	A	B	B	B	B	C	A	B	D
10	C	C	C	B	B	D	B	A	A	B	B	A	D	A	C	D	C	D	A	D	C	B	C	D
11	A	A	B	D	A	C	D	D	B	D	D	B	B	C	D	A	B	D	C	A	B	D	A	D
12	C	D	D	A	C	A	B	B	D	D	C	B	A	A	D	C	A	A	B	D	D	C	D	C
13	A	A	D	D	C	A	C	A	D	C	A	D	C	B	A	B	B	C	A	B	C	D	D	B
14	C	A	D	D	D	A	D	A	C	D	C	B	D	C	C	D	B	B	D	B	D	B	C	C
15	B	C	C	B	A	C	D	C	A	D	A	D	B	D	B	B	B	C	C	C	C	C	D	C
16	B	C	D	D	D	B	C	D	B	B	C	D	A	C	A	B	C	D	B	B	D	C	A	D
17	A	B	A	A	A	C	D	C	A	B	B	B	A	D	B	D	A	A	D	A	A	C	A	C
18	B	C	B	C	C	C	A	B	B	C	C	B	B	A	A	C	B	B	D	D	C	B	D	C
19	A	D	C	A	A	B	C	B	B	B	C	B	A	A	D	C	C	B	C	C	D	C	C	D
20	D	B	B	A	B	A	D	A	A	D	B	A	B	D	A	C	A	A	C	A	B	C	A	B
21	B	C	B	A	A	A	A	A	D	C	C	B	B	D	A	A	D	D	C	C	D	A	B	C
22	A	B	A	D	C	B	B	B	C	A	D	D	A	A	A	D	A	B	A	B	B	A	A	D
23	A	A	A	A	C	B	A	B	B	B	B	A	A	D	B	A	D	A	D	D	B	C	D	C
24	D	A	C	A	D	C	D	A	C	D	D	B	D	A	C	C	C	B	A	C	B	B	C	D
25	S,D,S,S	D,D,D,S	S,D,D,S	S,S,S,D	D,S,S,D	S,D,D,D	S,D,S,S	S,D,S,S	S,D,D,S	D,S,D,D	S,S,D,S	S,D,S,S	S,S,S,D	S,S,D,S	D,S,D,S	S,S,D,D	S,S,D,D	D,S,D,D	D,S,S,S	S,D,S,S	D,S,D,S	S,D,D,D	S,D,S,S	D,S,D,D
26	S,S,D,D	D,D,S,S	S,D,S,S	S,D,D,D	S,D,S,S	D,D,D,S	S,S,D,D	D,D,S,D	S,D,S,S	D,S,D,S	S,D,D,S	S,D,D,D	D,S,S,D	D,D,S,D	D,S,D,S	D,D,D,S	S,D,D,S	S,S,D,D	D,S,S,D	D,S,S,D	S,S,D,D	S,D,D,D	S,S,D,D	S,S,D,S
27	D,S,D,S	D,D,S,D	D,S,S,D	S,D,D,S	S,D,S,D	S,S,D,D	D,S,D,S	D,S,D,S	D,S,S,D	S,D,D,D	S,S,D,D	D,S,S,D	S,S,D,D	S,S,D,D	S,S,D,S	S,S,D,S	S,S,D,S	S,S,D,D	S,D,D,S	D,S,D,D	S,D,S,S	S,D,S,D	S,S,D,D	D,D,S,D
28	S,S,D,D	S,D,S,S	D,S,D,S	S,D,D,D	D,S,D,S	S,S,D,S	D,S,D,S	D,S,D,D	S,D,D,S	S,D,S,S	S,D,D,S	D,D,S,D	D,S,S,D	S,S,D,D	S,D,S,D	D,D,D,S	D,D,D,S	S,S,D,S	D,S,S,D	D,S,S,D	D,S,D,S	S,D,S,S	S,D,S,D	D,S,D,S